

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33 /2018/DS-ST

Ngày 09-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Tiến Bộ

Bà Trần Thị Hội

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P - sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn HT, xã P Q, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc A – sinh năm 1975

Địa chỉ: 301 THĐ, thành phố Q N, tỉnh Quảng Ngãi. (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018)

2. Bị đơn: Ông Cao Văn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: T2, thị trấn Đ P, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn ông Cao Văn Thành Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Huỳnh Ngọc A trình bày: Xuất phát từ chỗ quen biết, nguyên đơn đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Cao Văn Thành Đ vay tiền nhiều lần để bổ sung vốn kinh doanh quán lẩu, các lần vay thì giữa hai bên không lập thành hợp đồng và hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 25 tháng 01 năm 2015, ông Đạt viết giấy mượn tiền để chốt lại số tiền nợ của vợ chồng ông là 60.000.000 đồng và hẹn khi nào bán đất được sẽ trả cho nguyên đơn 40.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng còn lại sẽ trả góp dần cho nguyên đơn. Tuy nhiên, đến năm 2016, ông Đ, bà T đã bán đất nhưng vẫn không trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần đến nhà bị đơn để yêu cầu trả nợ cho nguyên đơn nhưng ông Đ, bà T cố tình không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Văn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 60.000.000 đồng, về lãi suất thì nguyên đơn không yêu cầu.

Bị đơn là ông Cao Văn Thành Đ đã nhận thông báo về việc thụ lý và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông Đ không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 8 năm 2018 và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 21/8/2018, bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Bà thừa nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ nguyên đơn 60.000.000 đồng. Số tiền 60.000.000 đồng này là do bà vay của nguyên đơn nhiều lần; một lần bà vay 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 10% một tháng, bà đã trả lãi cho nguyên đơn nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đối với số tiền 45.000.000 đồng còn lại cũng là tiền bà nợ của nguyên đơn, nguyên đơn cho bà vay để đóng bảo hiểm, tuy nhiên bà cũng không xác định được trong số tiền 45.000.000 đồng này thì tiền vay gốc và tiền lãi cụ thể là bao nhiêu. Ngày 25 tháng 01 năm 2015, nguyên đơn đến nhà bà đòi nợ nhưng bà không có nhà, chồng bà là ông Cao Văn Thành Đ đã viết giấy mượn tiền chốt lại số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng cho nguyên đơn. Từ đó đến nay, bà P có nhiều lần đến nhà bà đòi nợ nhưng do vợ chồng bà làm ăn khó khăn nên chưa có tiền trả cho bà P. Nay, bà P yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 60.000.000 đồng thì vợ chồng bà đồng ý trả. Do điều kiện bà làm ăn xa nhà, bà không thể đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn Nguyễn Thị Mỹ T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Cao Văn Thành Đ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Cao Văn Thành Đ cùng có nghĩa vụ trả nợ số tiền 60.000.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 11/6/2018, bà Lê Thị P có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ T và chồng là ông Cao Văn Thành Đ trú tại t2, thị trấn Đ P, huyện Đ P, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn là ông Cao Văn Thành Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Cao Văn Thành Đ.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ chỗ quen biết, nguyên đơn là bà Lê Thị P đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Cao Văn Thành Đ vay tiền nhiều lần, mục đích là để bà T, ông Đ bổ sung vốn kinh doanh quán lẩu, hai bên không thỏa thuận lãi suất và cũng không lập thành hợp đồng. Đến ngày 25 tháng 01 năm 2015, ông Đ viết giấy mượn tiền để chốt lại số tiền nợ của vợ chồng ông là 60.000.000 đồng và hẹn khi nào bán đất được sẽ trả cho nguyên đơn 40.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng còn lại sẽ trả góp dần cho nguyên đơn. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi.

Xét hợp đồng vay giữa bà Lê Thị P và ông Cao Văn Thành Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Đến năm 2016, ông Đ, bà T đã bán đất nhưng không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Cho nên, việc bà Lê Thị P khởi kiện yêu cầu ông Cao Văn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T trả nợ số tiền 60.000.0000 đồng theo

quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T khai khi vay số tiền 15.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận tính lãi là 10%/tháng; tuy nhiên, bà Thiện không có tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận tính lãi và bà đã trả lãi cho nguyên đơn. Đối với số tiền 45.000.000 đồng còn lại, bị đơn cũng không xác định được trong đó có bao nhiêu là tiền vay gốc và bao nhiêu là tiền lãi. Ngoài ra, trong giấy mượn tiền ngày 25 tháng 01 năm 2015 cũng không thể hiện có thỏa thuận tính lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản không có lãi suất. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Cao Văn Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Lê Thị P là: $60.000.000đ \times 5\% = 3.000.000đ$ (ba triệu đồng)

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 02 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Cao Văn Thành Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị P số tiền: 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Cao Văn Thành Đ cùng phải chịu 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Phượng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí số AA/20146/0001462, ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Cao Văn Thành Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi Cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang

